



Nippon Mirai Company Limited.

Nghị định 161/2026/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở áp dụng từ ngày 01/7/2026
2026 年 7 月 1 日から適用される一般最低賃金を規定する政令 No.161/2026/ND-CP

Ngày 15/5/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định 161/2026/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026) quy định về mức lương cơ sở mới thay thế cho mức lương cơ sở hiện tại được quy định tại Nghị định 73/2024/NĐ-CP.

2026 年 5 月 15 日、政府は政令 No. 73/2024/ND-CP に定める現行の一般最低賃金に代わりに、新たな一般最低賃金を規定する政令 No. 161/2026/ND-CP (2026 年 7 月 1 日施行) を公布しました。

Theo nghị định này, mức lương cơ sở sẽ được điều chỉnh tăng lên 2.530.000 VNĐ/tháng từ ngày 01/7/2026. Do đó, các chế độ và nghĩa vụ về BHXH, BHYT đối với người lao động theo lương cơ sở cũng được điều chỉnh tăng cho phù hợp với quy định như sau:

同政令により、2026 年 7 月 1 日から一般最低賃金が月額 2,530,000VND に引き上げられます。これに伴い、基礎賃金額を基準として算定される社会保険および医療保険に関する各種給付額や上限額も、以下のとおり変更されます。

TT 番号	Nội dung thay đổi 変更内容	Hiện tại 現行 (単位 : VND)	Từ ngày 01/7/2026 2026 年 7 月 1 日から (単位 : VND)
1	Mức lương cơ sở 一般最低賃金額	2.340.000/ tháng 2, 340, 000/ 月	2.530.000/tháng 2, 530, 000/ 月
2	Mức lương tháng đóng BHXH, BHYT tối đa 社会保険料・医療保険料の算定基礎となる月額賃金の上限	46.800.000/tháng 46, 800, 000/ 月	50.600.000/tháng 50, 600, 000/ 月
3	Mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau/thai sản/tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 疾病・産休・労働災害、職業病の場合における健康回復の給付額	702.000/ngày 702, 000/ 日	759.000/ngày 759, 000/ 日

HO CHI MINH HEAD OFFICE
5th Floor SFC Building, No.9 Dinh Tien Hoang Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84766 551 686

HA NOI OFFICE (Inside AIC Viet Nam)
8th Floor, Vinafor Building, 127 Lo Duc Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam
Tel: +84766 551 686



Nippon Mirai Company Limited.

TT 番号	Nội dung thay đổi 変更内容	Hiện tại 現行 (単位 : VND)	Từ ngày 01/7/2026 2026 年 7 月 1 日から (単位 : VND)
4	Mức trợ cấp một lần khi sinh con/nhận nuôi con nuôi 出産または養子縁組時の一時給付金	4.680.000/con 4, 680, 000/子	5.060.000/con 5, 060, 000/子
5	Mức hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 労働災害、職業病の場合における給付金	Mức trợ cấp một lần khi bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% (không bao gồm khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm) 労働能力喪失率が 5%～30% の場合の一時給付 (保険加入年数に応じて加算される手当を除く。)	
		- Suy giảm 5%: 11.700.000 労働能力喪失率 5%: 11, 700, 000 - Suy giảm thêm 1%: hưởng thêm 1.170.000 5%を超える部分について 1%増加すること に: 1, 170, 000 追加	- Suy giảm 5%: 12.650.000 労働能力喪失率 5%: 12, 650, 000 - Suy giảm thêm 1%: hưởng thêm 1.265.000 5%を超える部分について 1%増加すること に: 1, 265, 000 追加
		Mức trợ cấp hằng tháng khi bị suy giảm khả năng lao động 31% trở lên (không bao gồm khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm) 労働能力喪失率が 31% 以上の場合の月額給付金 (保険加入年数に応じて加算される手当を除く。)	
		- Suy giảm 31%: 702.000/tháng 労働能力喪失率 31%: 702, 000/月 - Suy giảm thêm 1%: hưởng thêm 46.800/tháng 31%を超える部分について 1%増加すること に: 46, 800/月追加	- Suy giảm 31%: 759.000 /tháng 労働能力喪失率 31%: 759, 000 /月 - Suy giảm thêm 1%: hưởng thêm 50.600/tháng 31%を超える部分について 1%増加すること に: 50, 600/月追加

Hết.

以

HO CHI MINH HEAD OFFICE
5th Floor SFC Building, No.9 Dinh Tien Hoang Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84766 551 686

HA NOI OFFICE (Inside AIC Viet Nam)
8th Floor, Vinafor Building, 127 Lo Duc Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam
Tel: +84766 551 686